

TRIẾT LÝ “BỈ CỤC, THÁI LAI” VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Huyền Trang

Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn, bài viết phân tích làm rõ các nội dung: Một là, làm rõ một số vấn đề lý luận triết lý “bỉ cực, thái lai”; Hai là, làm rõ sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cuộc đời hoạt động cách mạng và sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; Ba là, qua đó rút ra những giá trị, ý nghĩa của triết lý “bỉ cực, thái lai” đối với cuộc đời con người và đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước trong kỷ nguyên mới. Bài viết khẳng định triết lý “bỉ cực, thái lai” là triết lý mang tinh thần lạc quan cách mạng, biện chứng, nhân văn sâu sắc, là động lực mạnh mẽ giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua ngàn chông gai để dành thắng lợi vẻ vang. Trong thời đại kỷ nguyên mới của dân tộc, triết lý “bỉ cực, thái lai” vẫn còn nguyên giá trị và phát huy vai trò của nó trong tình hình mới, mang tinh thần cách mạng mới.

Từ khóa: Bỉ cực, thái lai, Hồ Chí Minh, biện chứng, cách mạng.

THE PHILOSOPHY OF “BI CUC, THAI LAI” AND HO CHI MINH’S CREATIVE APPLICATION

Abstract: On the basis of clarifying a number of theoretical and practical issues, the article analyzes and clarifies the following contents: First, clarifying a number of theoretical issues of the philosophy of “the worst is yet to come”; Second, clarifying Ho Chi Minh’s creative application in his revolutionary life and the cause of national liberation; Third, thereby drawing out the values and meanings of the philosophy of “the worst is yet to come” for human life and for the cause of national liberation, building and defending the country in the new era. The article affirms that the philosophy of “the worst is yet to come” is a philosophy with a spirit of revolutionary optimism, dialectics, and profound humanity, a strong driving force to help the Vietnamese people overcome thousands of obstacles to achieve glorious victory. In the new era of the nation, the philosophy of “the worst is yet to come” still retains its value and promotes its role in the new situation, with a new revolutionary spirit.

Keywords: Extreme, Hybrid, Ho Chi Minh, dialectic, revolution.

Nhận bài: 21/10/2025

Phản biện: 21/10/2025

Duyệt đăng: 25/10/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Triết lý “bỉ cực, thái lai” là một quan niệm sâu sắc, tiêu biểu cho tư duy biện chứng dân gian trong văn hóa phương Đông. Cụm từ này xuất hiện xuất phát từ quan niệm “vật cực tất phản” trong kinh Dịch, hàm nghĩa rằng khi sự vật đạt tới cực điểm của một trạng thái thì nó sẽ chuyển hóa sang trạng thái đối lập. Quan niệm này không chỉ mang lý luận thuần túy mà còn là biện chứng khoa học, có giá trị thực tiễn lớn lao.

Tiếp cận từ góc nhìn triết học, tư tưởng này phản ánh quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy thông qua các quy luật về phát triển, vận động, thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập, quy định phủ định của phủ định.

Hồ Chí Minh, người tiếp thu sâu sắc tinh hoa văn hóa, triết học phương Đông, phương Tây đã vận dụng sáng tạo triết lý này trong suốt cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình, đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam vượt muôn vàn chông gai, đi đến thắng lợi cuối cùng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Triết lý “bỉ cực, thái lai” trong văn hoá phương Đông

Nguồn gốc ra đời của triết lý “bỉ cực, thái lai” bắt nguồn từ Kinh Dịch. Cụm từ này xuất hiện từ triết lý Âm Dương của Kinh Dịch. Biểu hiện của triết lý này là: Âm và Dương luôn vận động không ngừng. Khi một thái cực, tức là cực của một trạng thái đạt đến đỉnh cao thì sẽ chuyển qua đối cực của nó. Quẻ “Bĩ” tượng trưng cho bế tắc, khó khăn. Quẻ “Thái” tượng trưng cho hanh thông, cát tường, thịnh vượng. Khi quẻ Bĩ đạt đến cực điểm sẽ chuyển hóa thành quẻ Thái. Theo Giáo sư Nguyễn Lân: “Kinh Dịch có 64 quẻ, trong đó có quẻ bĩ tượng trưng cho sự bế tắc, không thuận lợi, quẻ thái tượng trưng cho sự thuận lợi, hanh thông. Khi nào sự bế tắc đến cùng cực (bỉ cực) thì sự hanh thông sẽ tới (thái lai)... giống như câu “khổ tận cam lai”.

Triết lý phương Đông khá đa dạng, phong phú và sâu sắc. Trong đó, triết lý “bỉ cực, thái lai” là triết lý tiêu biểu, giàu tính nhân văn. Triết lý này

được thể hiện rõ trong tư tưởng của Nho Giáo, Đạo Giáo, Phật Giáo. Cụ thể: Trong Nho Giáo: Thực hành đạo làm người để cải biến xã hội, khuyên người quân tử dù trong hoàn cảnh khó khăn nào cũng phải hành động chính trực, kiên trì hành đạo, giữ vững đạo lý, tu dưỡng bản thân và chờ thời. Trong Đạo Giáo: Thuận theo Đạo để tự nhiên dẫn tới chuyển hóa, khuyên con người khi gặp khó khăn, trở ngại nên trở về tự nhiên, sống ẩn dật, đơn giản, không cưỡng cầu, tránh tranh đấu, giữ tâm an. Trong Phật Giáo: Thấy rõ bản chất vô thường, khuyên con người tu hành để thoát luân hồi, chịu đựng, không kêu than, không oán trách.

Cả ba tư tưởng đều thừa nhận tính hai chiều của triết lý “bĩ cực, thái lai” là có khổ đau - hạnh phúc, có bế tắc - hanh thông nhưng cách tiếp cận khác nhau và đưa ra những lời khuyên khác nhau cho chúng sinh. Nho Giáo khuyên con người biết nhẫn nại khi gặp khó khăn, có niềm tin vào sự thay đổi của cuộc đời, giữ đạo đức, tu dưỡng, hành xử chính trực dù trong hoàn cảnh khó khăn nhất. Đạo Giáo khuyên con người sống lánh đời, quay về ở ẩn, tránh tranh đấu, sống thuận theo tự nhiên. Phật Giáo khuyên con người tu tập, chuyển hóa nội tâm, gieo nhân, giác ngộ.

Triết lý sống “bĩ cực, thái lai” là sự kết hợp giữa tư tưởng phương Đông và tinh thần cách mạng, mang đến niềm tin và khát vọng hoà bình, giải phóng dân tộc cho con người, động lực đấu tranh giải phóng con người, giải phóng dân tộc ở các quốc gia, thuộc địa bị áp bức, bóc lột, nô lệ. Triết lý sống “bĩ cực, thái lai” là một triết lý mang tinh thần lạc quan, nhân văn và sâu sắc, nhất là trong Nho Giáo: Dạy con người kiên trì, kiên nhẫn, tin tưởng vào sự thay đổi, chuyển biến của vũ trụ cuộc đời, quan trọng hơn cả là khuyên con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững đạo lý.

2.1.2. Triết lý “bĩ cực, thái lai” theo phép biện chứng duy vật của triết học Mác - Lênin

Theo phép biện chứng duy vật, mọi sự vật, hiện tượng đều vận động, biến đổi, phát triển không ngừng và sự phát triển diễn ra thông qua mâu thuẫn nội tại, thể hiện quy luật vận động không ngừng của tự nhiên và xã hội từ trạng thái này sang trạng thái khác tốt hơn.

Theo nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, mọi sự vật trong thế giới đều liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, trong cái xấu có cái tốt, trong khó khăn chứa đựng khả năng, thuận lợi, trong “bĩ cực” của mầm mống của “thái lai”. Không có cái

gì tồn tại biệt lập, tuyệt đối mà đều nằm trong quá trình chuyển hóa lẫn nhau.

Dựa vào nguyên lý về sự phát triển và quy luật thống nhất - đấu tranh của các mặt đối lập, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng mọi sự vật đều tồn tại hai mặt đối lập: xấu - tốt, thuận - nghịch, bĩ - thái... Hai mặt này vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau, khi mâu thuẫn phát triển đến điểm giới hạn, sự vật cũ mất đi, cái mới ra đời. Vì vậy, khi khó khăn rơi đến cực điểm “bĩ cực” chính là lúc mâu thuẫn cũ đạt đỉnh và chuẩn bị chuyển hóa, giai đoạn mới hình thành sau sự chuyển hóa ấy chính là “thái lai”.

Còn theo quy luật phủ định của phủ định, quá trình phát triển không theo đường thẳng mà theo vòng xoáy ốc, nghĩa là cái mới ra đời phủ định cái cũ nhưng vẫn kế thừa những yếu tố tích cực. Triết lý “bĩ cực, thái lai” phản ánh quy luật này. Sau mỗi giai đoạn khủng hoảng (phủ định) sẽ có giai đoạn phục hồi và phát triển (phủ định của phủ định).

Tóm lại, theo triết học Mác - Lênin, “bĩ cực, thái lai” phản ánh quy luật chuyển hóa giữa các mặt đối lập, thống nhất và đấu tranh của mâu thuẫn, cho thấy mọi sự vật đều phát triển qua phủ định biện chứng: trong cái cùng cực của tiêu cực đã chứa đựng khả năng nảy sinh của cái tích cực mới.

2.2. Sự vận dụng triết lý “bĩ cực, thái lai” của Chủ tịch Hồ Chí Minh

2.2.1. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trên con đường tìm đường cứu nước, hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh có điều kiện được tiếp xúc với nền văn hoá của Đông, Tây, Kim cổ. Vì vậy, triết lý sống của Hồ Chí Minh rất đa dạng, phong phú và sâu sắc. Đặc biệt, Hồ Chí Minh bắt gặp triết lý “bĩ cực, thái lai” và đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình.

Đầu tiên phải kể đến hành trình buôn ba tìm đường cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành giai đoạn 1911-1941. Mất 30 năm Nguyễn Tất Thành “trôi dạt” nơi đất khách quê người, trải qua những tháng ngày “bĩ cực” dài đằng đẵng, trải qua nhiều chặng đường đầy chông gai, thử thách. Đặc biệt, giai đoạn Hồ Chí Minh bị bắt giam vào nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc là thử thách lớn nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong thời gian bị giam cầm, Hồ Chí Minh bị đày giải qua 13 huyện, 18 nhà tù, sống trong điều kiện hết sức khổ sở, làm cho thân thể tiêu tụy, mất dần sức sống: “*Răng rụng mất một chiếc/ Tóc bạc thêm mấy phần/ Gầy đen như*

quy đời/ Ghẻ lở mọc đầy thân". Có những lúc ốm đau, bệnh tật "thập tử nhất sinh". Hồ Chí Minh đã phải thốt lên rằng: Một ngày trong tù, nghìn thu ở ngoài. Nhà tù đã trở thành con "ác mộng" trong cuộc đời làm cách mạng của Hồ Chí Minh. Cũng trong thời gian bị giam cầm này, Hồ Chí Minh thấu hiểu rõ hơn triết lý "bỉ cực, thái lai". Theo Hồ Chí Minh, triết lý "bỉ cực, thái lai" thể hiện ở sự chuyển hoá tự nhiên, yếu tố khách quan.

Trước tiên, triết lý này tuân theo quy luật tất yếu của tự nhiên, vũ trụ. Theo Hồ Chí Minh, "bỉ cực, thái lai" là một quy luật sống tất yếu của tự nhiên, vạn vật, quy luật khách quan của vũ trụ, cũng như bông hoa hồng có lúc nở, lúc tàn: *Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng/Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình.* Người lấy quy luật về sự sinh sôi, nảy nở của tự nhiên để chứng minh cho triết lý của cuộc đời con người, khi được sinh ra, khi mất đi, khi buồn, khi vui, khi khổ, khi sướng. Sướng, khổ vốn là một lẽ tự nhiên: *Sự vật vẫn xoay đã định sẵn/Hết mưa là nắng hừng lên thôi.../Hết khổ là vui vốn lẽ đời.* Hồ Chí Minh đã nhìn thấy và thấu hiểu được quy luật đó. Chính vì vậy, Người luôn giữ một tinh thần lạc quan, tin tưởng vào cuộc đời.

Trong tập thơ "Nhật ký trong tù", Hồ Chí Minh đã nhắc đến những cụm từ "khổ tận cam lai", "bỉ cực, thái lai" trong các câu thơ như: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/ Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?; Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng/Bỉ cực rồi ra ắt thái lai.* Điều đó cho thấy rằng triết lý này đã ăn sâu trong tư tưởng của Hồ Chí Minh và Người tin triết lý này là đúng.

Hai là, Hồ Chí Minh nhận ra rằng, triết lý sống "bỉ cực, thái lai" bao hàm cả yếu tố chủ quan, nỗ lực của con người trong việc thay đổi hoàn cảnh. Theo Hồ Chí Minh, muốn có được ngày "thái lai", con người phải luôn nỗ lực vượt qua gian khó, lạc quan, đấu tranh không ngừng nghỉ: *Muốn nên sự nghiệp lớn/Tinh thần phải càng cao.* Tinh thần không chịu khuất phục, nản lòng trước khó khăn, thử thách: *Vì đâu có cảnh đông tàn/ Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân/ Nghĩ mình trong bước gian truân/ Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.* "Đông tàn", "Tai ương" đó chính là "bỉ cực", buộc con người phải rèn luyện một tinh thần thép, ý chí vượt gian khó mới có thể đón được mùa xuân. Để có thể vượt qua được những thử thách, chông gai của cuộc đời, theo Hồ Chí Minh con người cần có hai phẩm chất đó là lòng "kiên trì" và "nhẫn nại": *Kiên trì và nhẫn nại/ Không chịu lùi một phân/ Vật chất tuy đau khổ/ Không nao núng tinh thần*".

Hồ Chí Minh đã vận dụng triết lý sống của người phương Đông "bỉ cực, thái lai" vào cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Không ai khác, chính bản thân Hồ Chí Minh đã tự cứu mình, kiên trì, nhẫn nại, chịu đựng, lạc quan, tin tưởng để vượt qua giai đoạn tù đầy khổ ải ấy.

2.2.2. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc

Triết lý "bỉ cực, thái lai" thể hiện niềm tin của Hồ Chí Minh vào sự thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam: *Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng/ Bóng tối đêm tàn sớm sạch không*". Hồ Chí Minh luôn tin tưởng vào tiền đề của cuộc cách mạng Việt Nam. Người luôn nhìn về phía ánh sáng, ánh hào quang sẽ đánh tan bóng đêm tối tăm của đêm trường cách mạng. Người vẫn luôn mơ về ngôi sao vàng năm cánh tung bay phấp phới dưới bầu trời tự do: *Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh*".

Triết lý sống này đã giúp cho Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam vượt qua được những năm tháng gian khổ, khốc liệt nhất của cuộc chiến tranh chống phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và có niềm tin tất thắng vào sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc: *Gian khổ không lùi vẫn tiến lên/ Thù nhà nợ nước nghĩa đương nhiên/ Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị/ Nhất định thành công sẽ có phen*".

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược,

triết lý "bỉ cực, thái lai" càng phát huy giá trị của nó, giúp nhân dân Việt Nam đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giành thắng lợi hoàn toàn. Trong hoàn cảnh éo le nhất của cuộc cách mạng, khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, tình thế đất nước như "Ngàn cân treo sợi tóc". Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" năm 1946. Người khẳng định: *Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!*". Một lần nữa, Hồ Chí Minh khẳng định triết lý "bỉ cực, thái lai" là đúng đắn, dân tộc dù phải gian khổ kháng chiến nhưng nhất định sẽ thắng lợi. Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy, giữ vững tinh thần, niềm tin chiến thắng, chiến đấu tới cùng, quyết không sợ kẻ thù. Người kiên quyết: *Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập*".

Tiếp theo, đất nước phải đối mặt với kẻ thù thứ 2 là đế quốc Mỹ xâm lược, đánh phá miền Bắc ác liệt. Hồ Chí Minh vẫn tin rằng: dù có khó khăn, gian khổ đến đâu nhân dân Việt Nam sẽ vượt qua,

dành độc lập, tự do cuối cùng. Ngày 17/07/1966, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến lần thứ hai với một quyết tâm rất lớn: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập, tự do!”.

Trên cơ sở của niềm tin về sự đúng đắn của triết lý “bĩ cực, thái lai”, sự đoàn kết và sức chiến đấu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, Hồ Chí Minh đã đưa ra những dự đoán chính xác về cách mạng Việt Nam. Ngay từ năm 1941, trong những số báo Việt Nam Độc lập đầu tiên, có đăng bài thơ “Việt Nam quốc sử diễn ca” của Bác có câu “Bốn lăm, sự nghiệp hoàn thành”. Phía dưới bài thơ, Bác chú thích rõ: “Năm 1945, cách mạng sẽ thành công”. Điều tiên tri này đã thành sự thật: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 2-9-1945. Năm 1960, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Bác Hồ nhận định: “Mười lăm năm nữa, ta sẽ toàn thắng, đất nước thống nhất”. Và điều tiên đoán này cũng thành hiện thực. Ngày 30-4-1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất nước nhà. Bài thơ chúc tết Kỷ Dậu 1969 của Bác cũng là một bài thơ chúc mừng thắng lợi được báo trước: “Năm qua thắng lợi vẻ vang/Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to/ Vì độc lập, vì tự do/ Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào!/ Tiến lên chiến sĩ, đồng bào/ Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”.

Cuối cùng, bản Di chúc, lời căn dặn của Người trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ

Chí Minh một lần cuối khẳng định niềm tin tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, dù vào thời gian đó, cuộc chiến đấu của nhân dân ta đang trong giai đoạn vô cùng gay go, quyết liệt: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”. Trong bản Di chúc đề ngày 10-5-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên đoán chính xác: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải

hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn: “Còn non, còn nước, còn người/ Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay! Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

2.3. Giá trị và ý nghĩa của triết lý “bĩ cực, thái lai”

Đối với cuộc đời con người. Giúp con người có tinh thần lạc quan, tin tưởng vào cuộc đời, vào tương lai phía trước; nuôi dưỡng ý chí, tinh thần kiên trì, nhẫn nại, kiên cường vượt mọi khó khăn, gian khổ của cuộc sống để tiến lên. Không bị những trở ngại của khó khăn làm chùn bước, mất động lực phấn đấu, đầu hàng trước khó khăn. Thúc đẩy ý chí tự cường, đổi mới sáng tạo, biến nghịch cảnh thành động lực phát triển.

Đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước trong kỷ

nguyên mới. Ngày nay, đất nước bước vào thời đại kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, triết lý “bĩ cực, thái lai” vẫn còn nguyên giá trị, là động lực và niềm tin mạnh mẽ giúp đất nước ta vượt qua muôn vàn chông gai, thử thách để tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, ấm no, hạnh phúc, phồn vinh.

Góp phần củng cố niềm tin xã hội chủ nghĩa vào con đường tiến bộ, nhân văn, phát triển bền vững.

III. KẾT LUẬN

Tư tưởng “bĩ cực, thái lai” không chỉ là niềm lạc quan biện chứng, mà còn thể hiện nhận thức đúng quy luật vận động của đời sống: Không có gì vĩnh viễn bé tắc hay thuận lợi mãi mãi. Trong khó khăn, cần nhìn thấy mầm mống của cơ hội, kiên trì và chủ động để biến “bĩ cực” thành “thái lai”.

Triết lý “Bĩ cực, thái lai” được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo trên nền tảng triết học Mác - Lênin, đã trở thành chủ nghĩa lạc quan cách mạng. Trong mọi hoàn cảnh lịch sử, triết lý này vẫn là kim chỉ nam giúp dân tộc ta vượt qua khó khăn, thử thách vững bước đi lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- C.Mac & Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 20*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Nguyễn Lâm (2010), *Từ điển Thành ngữ & Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông Tin, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2000), *Nhật ký trong tù và những bài thơ khác*, Nxb Đồng Nai.
 Hồ Chí Minh (1969), *Di chúc*
 Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 13*, tr.130, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 12*, tr.509, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
 Nguyễn Trọng Chuẩn (chủ biên), (2005), *Triết học Mác - Lênin và sự phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Trần Đức Thảo (1991), *Tư tưởng biện chứng và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.